

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 527/2024/DS - PT.

Ngày: 26/08/2024

V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hồng H.

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Liên Anh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội : Bà Ngô Phương Liên – KSV

Ngày 26 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 625/DS - PT ngày 20/12/2023 về “ Tranh chấp mua bán tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS – ST ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Toà án nhân dân Quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/QĐXX.DSPT ngày 03 tháng 07 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2024/QĐ-PT ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị H sinh năm 1975.

ĐKNKTT: P201, C13, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Bị đơn: Công ty Cổ phần T (gọi tắt Công ty).

Trụ sở: Tầng 1 Vinaproinco, Số 28, phố Trần Quý Cáp, quận Đống Đa, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tú- Tổng giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Quý

ĐKNKTT: Số 32, ngõ Vạn Kiếp, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Nơi cư trú: Số 147, phố Nhật Chiêu, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người liên quan: Luật sư Đào Xuân Sơn- Công ty Luật TNHH Justiva Law.

2/ **Ông Vũ Văn Phúc** , sinh năm 1944

3/ **Bà Nguyễn Thị Chiêu**, sinh năm 1944

Cùng trú tại: Phú Đa, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào , Tỉnh Hưng Yên

4/ **Anh Vũ Đăng Huy** , sinh năm 2002

5/ **Chị Vũ Linh Đan**, sinh năm 2005

Hiện đang học tại Phần Lan

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông Vũ Văn Phúc, Bà Nguyễn Thị Chiêu, Anh Vũ Đăng Huy, Chị Vũ Linh Đan là Bà Quách Thị H.

Bà H, ông Tú, luật sư Sơn có mặt, các đương sự khác vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022 và các lời bà Quách Thị H trình bày:

Ngày 15/4/2020, bà Quách Thị H có đặt cọc cho ông Nguyễn Đức Tú - Tổng Giám đốc Công ty số tiền 300.000.000 đồng và ngày 16/4/2020 đặt cọc tiếp số tiền là 300.000.000 đồng, tổng số tiền bà H đã đặt cọc là 600.000.000 đồng để mua 01 giàn máy sản xuất khẩu trang tự động. Hình thức đặt cọc bằng tiền mặt và chuyển khoản, có giấy xác nhận của ông Tú. Đến ngày 17/4/2020, bà H đã ký Hợp đồng kinh tế số 018/HĐKT/TD-QTH với Công ty để mua một dây chuyền máy sản xuất khẩu trang tự động với tổng giá trị Hợp đồng là 3.600.000.000 đồng. Việc thương lượng hợp đồng được diễn ra tại phòng 1002, nhà A1- X2, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Cùng ngày 17/4/2020 bà H đã trả cho ông Tú thêm số tiền là 1.800.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã trả cho ông Tú là 2.400.000.000 đồng.

Dây chuyền được lắp đặt tại nhà số 9, ngõ 364/94/2, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo Điều 4 của Hợp đồng, đến ngày 21/4/2020, Bên bán phải hoàn thành việc lắp đặt, vận hành sản xuất ra khẩu trang theo các thông số kỹ thuật được ghi trong Hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 25/4/2020, Bên bán mới cho chạy thử nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu. Sau đó Bên bán tiếp tục chỉnh sửa đến ngày 29/4/2020 vẫn chưa thực hiện xong việc vận hành và bàn giao như Hợp đồng đã ký nên Bên bán đã đồng ý lấy lại giàn máy, trả lại số tiền bà H đã thanh toán cho Bên bán là 2.400.000.000 đồng và chịu phạt theo Hợp đồng. Bên bán hẹn bà H sẽ thanh lý hợp đồng, nhận lại máy, trả tiền vào hồi 13 giờ ngày 30/4/2020, sau đó hẹn lùi lại vào 15 giờ ngày 30/4/2020 (có tin nhắn của ông Tú xác nhận). Đến 15 giờ ngày 30/4/2020, Bên bán không thực hiện việc thanh lý hợp đồng mà còn đưa một số người xâm phạm trái phép

chỗ ở của bà H, lục soát đồ đạc, quay phim, chụp ảnh và yêu cầu bà H ký vào một văn bản gì đó mà bà H không biết, việc này bà H đã có đơn tố cáo gửi Công an quận Hoàng Mai vào ngày 01/5/2020. Sau đó Bên bán niêm phong giàn máy và bỏ đi. Từ đó đến nay, bà H đã nhiều lần liên lạc, nhắn tin, gọi điện nhưng ông Tú không trả lời. Ông Tú đã nhận 2.400.000.000 đồng nhưng chưa cung cấp các loại hồ sơ, giấy tờ về nguồn gốc, xuất xứ, kiểm định chất lượng và các loại giấy tờ liên quan đến hồ sơ pháp lý của bộ máy trên (theo hợp đồng) mặc dù bà H đã yêu cầu rất nhiều lần.

Dây chuyền máy lắp đặt cho bà H không đúng là loại máy ghi trong Hợp đồng, bà H kiểm tra không thấy có seri hay số máy được đóng vào máy như các loại máy khác mà chỉ có một tấm tôn ghi tên máy được dán bằng băng dính vào cánh cửa tủ máy; kích thước của máy trên thực tế không đúng như kích thước được ghi trong hợp đồng.

Việc lắp đặt, vận hành không đạt được các yêu cầu ghi trong hợp đồng về tốc độ số lượng khẩu trang từ 80 đến 120 chiếc/phút, về chất lượng cũng không đạt được tỷ lệ 98% sản phẩm hoàn thiện để có thể lưu hành được như trong cam kết của Hợp đồng, một số modum của máy thiếu phụ tùng và chưa chạy được, việc vận hành vẫn mang tính chất bán tự động. Ông Tú đã thống nhất với bà H là trả lại tiền và chuyển máy đi vào ngày 30/4/2020 nhưng đã không thực hiện, mà tiến hành niêm phong giàn máy rồi bỏ đi. Hiện tại, giàn máy vẫn đang trong tình trạng niêm phong từ ngày 30/4/2020 đến nay.

Bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức Tú phải trả lại số tiền 2.400.000.000 đồng, kèm số tiền phạt là 300.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 018/HĐKT/TD-QTH ngày 17/4/2020 và tiền lãi ngân hàng của số tiền 2.700.000.000 đồng tính từ ngày 17/4/2020 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm và yêu cầu Công ty phải di chuyển dây chuyền máy sản xuất khẩu trang hiện đang lắp đặt tại địa chỉ nhà số 9, ngõ 364/94/2, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội ra khỏi địa chỉ trên.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn, bà H không đồng ý với yêu cầu của Công ty buộc bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 8,5%/năm tính từ ngày 30/4/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Công ty do ông Nguyễn Đức Tú đại diện trình bày:

Công ty có mua một giàn máy sản xuất khẩu trang. Ngày 14/4/2020, ông Tú có rao bán giàn máy sản xuất khẩu trang thì ông Vũ Thành Lâm liên hệ để mua giàn máy. Tối ngày 14/4/2020, theo yêu cầu của ông Lâm, ông Tú đã đưa ông Lâm và bà Quách Thị H (vợ ông Lâm) đi xem giàn máy và các giấy tờ liên quan đến giàn máy.

Chiều ngày 15/4/2020, ông Lâm gọi điện cho ông Tú và đồng ý mua giàn máy với giá 3.600.000.000 đồng. Ông Tú đã soạn sẵn Hợp đồng và gửi qua email cho ông Lâm xem và chỉnh sửa trước. Tối ngày 15/4/2020 ông Tú qua nhà ông Lâm tại phòng 1001, tòa A1-X2, chung cư tại ngõ 214 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội để đặt cọc và ký hợp đồng, ông Lâm và bà H đã đồng ý với bản hợp đồng ông Tú gửi qua email, chuyển cho ông Tú 300.000.000 đồng đặt cọc và có nói với ông Tú không cần ký giấy đặt cọc, cũng như hợp đồng, khi nào giao máy thì sẽ thanh toán số tiền một lần theo thỏa thuận và ký hợp đồng. Đến tối ngày 15/4/2020, ông Lâm điện thoại nói chuyển ngay giàn máy xuống tới địa chỉ xưởng thì ông Lâm sẽ chuyển nốt tiền, ký hợp đồng. Ông Tú đã chuyển giàn máy xuống theo ý bên mua vào lúc 23h50 cùng ngày, Ông Tú và xe bên bán chuyển máy đến địa chỉ thì ông Lâm có nói là chưa thuê được người bốc xếp bảo là cứ để xe và máy ở đấy mai thanh toán tiền và ký hợp đồng.

Khoảng 8h30 sáng ngày 16/4/2020, ông Tú xuống bãi xe và điện thoại cho ông Lâm. Bên ông Lâm có thuê xe nâng và đội bốc vác nhận máy từ trên xe và tự vận chuyển toàn bộ máy vào sân nhà ông Lâm. Trong quá trình vận chuyển, bên vận chuyển và ông Lâm đã tháo mấy thùng gỗ bọc bên ngoài, có rơi các chi tiết nhỏ dọc đường, bên bán phải đi nhặt lại, vào đến nhà ông Lâm thì thấy giữa sân không có mái, cũng không có gì để che đậy hàng hóa. Ông Tú có đề cập vấn đề này với ông Lâm thì ông Lâm khẳng định rằng không sao, cam kết có gì thì bên mua sẽ tự chịu trách nhiệm vì ông Lâm đã nhận hàng. Ông Tú có gọi mẹ là bà Nguyễn Thị Quý xuống chứng kiến và hỗ trợ. Sau khi toàn bộ giàn máy, vật tư đã vào sân nhà ông Lâm, ông Tú đề nghị ông Lâm ký hợp đồng và thanh toán tiền thì ông Lâm bảo ông Tú lên gặp bà H tại nhà riêng. Sau đó ông Tú và bà Quý đã đi lại nhiều lần để gặp ông Lâm và bà H nhưng vẫn không ký được hợp đồng và không lấy được tiền theo thỏa thuận. Ông Tú có đề nghị nếu không ký hợp đồng thì sẽ lấy lại giàn máy và trả lại tiền cọc, nhưng bên mua lại thuyết phục bên bán. Đến 19h ngày 16/4/2020 bên mua mới trả thêm 300.000.000 đồng. Sau đó, ông Lâm và bà H tiếp tục kéo dài thời gian, không trả hết tiền và cũng không ký hợp đồng. Bà H tự soạn hợp đồng đơn phương đưa ra các điều khoản mới cực kỳ bất lợi cho bên bán, có điều khoản nếu máy lỗi do nhà sản xuất không hoạt động thì sẽ phạt 480.000.000 đồng. Ông Tú thấy không bình thường nên quay về xưởng gặp ông Lâm đề nghị trả lại tiền cọc và lấy lại máy, thì ông Lâm mới nói với bà H bỏ hết các điều khoản đơn phương của bên mua và sẽ thực hiện theo nội dung hợp đồng trong mail đã thống nhất. Đến ngày 17/4/2020 ông Tú mới nhận được thêm 1.800.000.000 đồng. Ngày 21/4/2020, dây chuyền máy móc đã

hoạt động tron tru, sản xuất ra sản phẩm và bên bán yêu cầu bên mua làm nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Trong quá trình lắp đặt máy móc thì mặt bằng không đảm bảo gây ảnh hưởng đến tiến độ thời gian quá trình lắp đặt và hiệu chỉnh máy móc (mặt bằng đến ngày 30/4/2020 vẫn đang sửa chữa và hoàn thiện lợp mái). Ngày 21/4/2020 bên mua đã mang mẫu khẩu trang đi kiểm tra ngoài thị trường và thông báo với bên bán là đạt yêu cầu, nhưng bên mua lại đưa ra mong muốn hiệu chỉnh một số lỗi nhỏ, chỉnh sửa khẩu trang cho đẹp hơn theo yêu cầu riêng của bên mua. Bên bán đã vô cùng thiện chí, thực hiện theo yêu cầu của bên mua nhưng bên mua vẫn tiếp tục đưa ra những yêu cầu không có trong hợp đồng. Khi bên bán đề nghị thanh toán nốt tiền thì bên mua tìm mọi lý do không thanh toán. Đến thời điểm này thị trường khẩu trang bắt đầu hạ nhiệt và cơ quan nhà nước siết chặt việc cấp phép cho cơ sở nhỏ sản xuất khẩu trang. Ngày 28/4/2020, bên bán có điện thoại cho bên mua để thống nhất, hai bên mua bán không đi đến kết quả cũng phải thanh lý hợp đồng, nếu không thương lượng được thì để pháp luật phân xử, ông Lâm đã đe dọa xử lý ông Tú. Ông Tú lo sợ nên ngày 30/4/2020 ông Tú đã mời Thừa phát lại lập biên bản giàn máy và ghi nhận mong muốn của hai bên để làm căn cứ thanh lý hợp đồng. Khi ông Tú cùng Thừa phát lại đang làm việc với bà H thì ông Lâm về và đuổi hết mọi người ra ngoài xưởng, không cho ở lại trong khu vực giàn máy. Ông Lâm bà H yêu cầu bên bán phải nhận lại máy móc, trả hết tiền đã nhận và Công ty sẽ bị phạt một khoản tiền là 480.000.000 đồng, rồi ông Lâm lại hạ xuống là 300.000.000 đồng. Ông Lâm còn hứa sẽ cho riêng ông Tú 100.000.000 đồng (với tư cách cá nhân) để cùng nộp vào tiền phạt nhưng ông Tú không đồng ý. Ông Lâm tuyên bố cứ để máy ở xưởng hết 20 ngày không nghiệm thu và không ai được động đến để trừ hết số tiền 1.200.000.000 đồng, không phải trả cho Công ty nữa. Ông Lâm lấy lại chùm chìa khóa xưởng đã giao cho ông Tú. Sau đó bên mua làm đơn tố cáo tới nhiều cơ quan chức năng những nội dung không liên quan tới hợp đồng làm ảnh hưởng tới những người liên quan đến ông Tú, nhằm hạ bệ uy tín, phá sản Công ty. Sau khi bên bán bị bên mua đuổi ra ngoài, ông Tú có ra Công an phường Thịnh Liệt trình bày sự việc, Công an phường có trao đổi lại là tại địa điểm xưởng, bên bán không gây mất trật tự an ninh, hai bên mua bán chưa thống nhất được thì ra cơ quan pháp luật nơi ký hợp đồng phân xử.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Tú không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/4/2023 ông Tú có gửi đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán số tiền còn lại 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số

018/HĐKT/TD-QTH ngày 17/4/2020 và phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 8,5%/năm (trung bình của 03 Ngân hàng thương mại) tính từ thời điểm bà H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là ngày 30/4/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Quý trình bày:

Anh Nguyễn Đức Tú là con rể của bà Quý, anh Tú là Tổng Giám đốc của Công ty. Giữa bà Quý và ông Lâm, bà H không có quan hệ quen biết, cũng không làm ăn cùng với nhau. Khoảng tháng 4/2020, Công ty có bán cho ông Lâm, bà H 01 dây chuyền sản xuất khẩu trang. Việc giao dịch mua bán chủ yếu là do ông Lâm và anh Tú giao dịch qua điện thoại, zalo chứ chưa có Hợp đồng. Khi máy từ Trung Quốc về, ông Lâm có trực tiếp đi xem máy khi máy đang ở trên công ten nơ và thuê người chuyển máy luôn về kho của ông Lâm, mặc dù ông Lâm chưa trả tiền. Máy đã về kho của ông Lâm thì giữa hai bên mới viết Giấy cam kết nhận tiền, bà Quý có ký vào Giấy cam kết này nhưng bà Quý chỉ chứng kiến việc giao nhận 300.000.000 đồng đầu tiên, còn những lần giao nhận tiền tiếp theo là anh Tú nhận với ông Lâm, bà H chứ bà Quý không biết cụ thể anh Tú bán máy khẩu trang cho ông Lâm giá bao nhiêu và ông Lâm đã trả cho anh Tú bao nhiêu tiền. Sau khi ký Giấy cam kết, giữa ông Lâm và anh Tú mới ký Hợp đồng kinh tế số 018 ngày 17/4/2020, nhưng khi ký Hợp đồng đứng tên bà Quách Thị H, mặc dù mọi giao dịch chỉ do ông Lâm làm, bà H không tham gia.

Sau khi máy được lắp đặt, chạy thử, ra khẩu trang thì hết giãn cách xã hội, ông Lâm, bà H thấy mặt hàng khẩu trang không còn bán chạy nữa nên bắt đầu viện lý do máy nhập lậu, tốc độ máy không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật để yêu cầu phải trả lại tiền và phạt 600.000.000 đồng. Bà Quý và anh Tú có yêu cầu ông Lâm mời đơn vị thẩm định hoặc các cơ quan có thẩm quyền đến thẩm định thì ông Lâm bảo không phải mời ai mà điện thoại cho bà Quý đe dọa giết anh Tú nếu không trả lại tiền và tiền phạt. Bà Quý có nói với anh Tú lấy máy về nhưng anh Tú bảo ông Lâm không đồng ý mà đòi phạt 600.000.000 đồng. Bà Quý khuyên anh Tú mời các cơ quan chức năng vào cuộc để phân định đúng sai. Sau đó anh Tú có mời thừa phát lại chứng kiến việc máy chạy, vận hành tốt, bà H cũng có chứng kiến việc này. Khi thừa phát lại đang làm việc thì ông Lâm đe dọa rồi đuổi mọi người ra, khóa cửa xưởng lại. Từ đó anh Tú không vào được xưởng nữa. Sau đó ông Lâm gửi đơn kiện anh Tú và bà Quý ở Công an quận Hoàng Mai, Chi cục Thuế quận Đống Đa, tố cáo anh Tú nhập lậu máy, trốn thuế, ông Lâm còn kiện, vụ không cả con trai bà Quý là anh Vũ Quốc Nam về việc cho thuê nhà không đảm bảo về phòng cháy chữa cháy. Tất cả những việc ông Lâm kiện đều là vu khống, không đúng sự

thật, mục đích chỉ để bắt ép anh Tú phải trả lại tiền và chịu phạt. Ngoài ông Lâm, bà H cũng nhấn tin vào máy của bà Quý đe dọa sẽ giết bà và anh Tú nếu không trả lại tiền và chịu phạt.

Nay bà H kiện, quan điểm của bà Quý là bà Quý không liên quan đến việc bà H khởi kiện, bà Quý chỉ ký chứng kiến việc giao tiền lần đầu là 300.000.000 đồng, ngoài ra bà Quý không chứng kiến gì khác, việc chứng kiến cũng là do lo cho anh Tú nên bà Quý mới làm hộ chứ không được hưởng lợi gì ở việc này. Khoảng đầu năm 2021 anh Tú có nộp đơn khởi kiện bà H ở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân yêu cầu trả nốt số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng sau đó anh Tú lâm bệnh nặng nên không tiếp tục đến Tòa án giải quyết được, theo bà Quý được biết anh Tú mới chỉ gửi đơn chứ chưa được Tòa án thụ lý, chưa nộp tiền tạm ứng án phí. Sau đó một thời gian anh Tú đi chữa bệnh ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể thì bà Quý không rõ vì anh Tú có nhiều người thân ở nhiều nước. Trụ sở Công ty vẫn ở Trần Quý Cáp nhưng do anh Tú ốm đau khoảng 04 năm nay nên hầu như cũng không còn hoạt động. Bà Quý mong muốn Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho anh Tú số tiền 1.200.000.000 đồng mua máy còn thiếu nhưng đó chỉ là mong muốn của bà Quý, còn cụ thể phải do anh Tú yêu cầu Tòa án giải quyết chứ bà không có quyền yêu cầu. Do bà Quý không liên quan đến việc này và bà cũng bận công việc nên đề nghị Tòa án không triệu tập xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty, đại diện là ông Nguyễn Đức Tú phải trả lại cho bà H số tiền 2.400.000.000 đồng và số tiền phạt 300.000.000 đồng, bà H không yêu cầu ông Tú phải thanh toán lãi chậm trả. Yêu cầu ông Tú phải di chuyển giàn máy khâu trang ra khỏi nhà xưởng tại địa chỉ số 9, ngõ 364/94/02, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- *Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:* Nguyên đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người mua được thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế đã ký kết, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bán, trong khi bên bán đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình là giao hàng đúng thời hạn, đúng chủng loại và chất lượng như đã thỏa thuận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn phải tiếp tục thực hiện Hợp

đồng, thanh toán nốt số tiền còn lại là 1.200.000.000 đồng. Bị đơn xin rút yêu cầu nguyên đơn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS – ST ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H đối với Công ty Cổ phần T.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần T buộc bà Quách Thị H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 1.200.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H và yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần T về yêu cầu thanh toán lãi chậm trả

4. Buộc Công ty Cổ phần T, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức Tú phải trả lại cho bà Quách Thị H số tiền 2.400.000.000 đồng và Công ty Cổ phần T phải nhận lại dây chuyền máy sản xuất khẩu trang tự động 02 cửa, nhãn hiệu KX-KZJJ008, kích thước (4200x3600x1900) (hiện đang lắp đặt tại địa chỉ nhà số 9, ngõ 364/94/2, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000đồng. Bà H đã nộp số tiền 25.000.000đồng tạm ứng án phí theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Đống Đa, Hà Nội (Thông báo số 1613 ngày 02/11/2022, mã thông báo QVSPOX69LZ). Bà Quách Thị H được hoàn trả lại 10.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 80.000.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 48.000.000đồng. Công ty Cổ phần T đã nộp số tiền 24.000.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 71796 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty Cổ phần T còn phải nộp tiếp 104.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Bà Quách thị H kháng cáo một phần bản án yêu cầu đòi tiền phạt.

Công ty kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại cấp phúc thẩm:

Bà Quách thị H trình bày: Bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đòi số tiền phạt do vi phạm Hợp đồng với số tiền 300.000.000 đồng.

Công ty và Luật sư thống nhất trình bày: Công ty không đồng ý với kháng cáo của bà H cho rằng Công ty có lỗi nên phải chịu phạt 300.000.000 đồng. Công ty cho rằng đã lắp đặt xong hoàn chỉnh máy nên Công ty không đồng ý nhận lại máy mà Công ty đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu phản tố buộc bà H trả nốt cho Công ty số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của Bà Quách thị H và Công ty trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

Hợp đồng mua bán do các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng hệ thống máy đã được lắp đặt tuy nhiên sản phẩm sản xuất ra chưa đạt yêu cầu theo Hợp đồng nên bà H yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và hoàn trả tiền là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu phản tố của Công ty.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi tiền phạt của bà H là có căn cứ, tuy nhiên lại không tuyên do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà H và Công ty sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của Bà Quách thị H và Công ty trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

*** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:**

- Bà Quách thị H khởi kiện Công ty về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, do vậy Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp Hợp

đồng mua bán tài sản phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “ *Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau: Tòa án nơi bị đơn có trụ sở*”. Thấy rằng Công ty là bị đơn có trụ sở tại Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, do vậy Tòa án nhân dân Quận Đống Đa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định tại Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bà Nguyễn Thị Quý có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

- Tại cấp phúc thẩm bà H cho rằng khoản tiền mua dây chuyền khâu trang là tài sản chung vợ chồng, do ông Vũ Thành Lâm là chồng bà H đã mất, do vậy Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã đưa người thừa kế của ông Lâm là Ông Vũ Văn Phúc, Bà Nguyễn Thị Chiều, Anh Vũ Đăng Huy, Chị Vũ Linh Đan vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người này đều ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng và không có yêu cầu gì khác.

*** Về nội dung:**

Ngày 17/4/2020 bà Quách Thị H và Công ty – do ông Nguyễn Đức Tú giám đốc đại diện đã ký Hợp đồng kinh tế số 018/HĐKT/TD-QTH, theo đó Công ty bán cho bà Quách Thị H 01 dây chuyền máy sản xuất khâu trang tự động 02 cửa, nhãn hiệu KX-KZJJ008, kích thước (4200x3600x1900), hàng mới 100% do Trung Quốc sản xuất, tốc độ 80-120 chiếc khâu trang/phút, giá bán 3.600.000.000 đồng. Thấy rằng hai bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với điều 430 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi ký Hợp đồng, Công ty đã lắp đặt máy và bà H đã trả cho Công ty số tiền là 2.400.000.000 đồng.

Điều 4 của Hợp đồng quy định: “ *Bên bán phải có trách nhiệm lắp đặt, chuyển giao công nghệ, vận hành thử nghiệm và sản xuất ra thành phẩm là khâu trang hoàn chỉnh, có thể sử dụng ngay, thì khi đó mới đủ điều kiện để hai bên tiến hành thử nghiệm thu máy.*”

Điều 5 của Hợp đồng quy định: “ *Bên B sẽ hỗ trợ bên A vận hành trong 1 tháng (kể từ ngày bàn giao máy) nếu có vấn đề kỹ thuật phát sinh, bên B phải có công nhân kỹ thuật hỗ trợ ngay trong vòng 1 ngày kể từ khi xảy ra sự cố*”

Khoản 1 điều 445 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “ 1. Bên bán phải bảo đảm giá trị sử dụng hoặc các đặc tính của vật mua bán; nếu sau khi mua mà bên mua phát hiện khuyết tật làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị sử dụng của vật đã mua thì phải báo ngay cho bên bán khi phát hiện ra khuyết tật và có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác, giảm giá và bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Căn cứ quy định của Hợp đồng, lời khai của các đương sự đều thể hiện Công ty đã lắp đặt xong hệ thống máy và đang chạy thử, tuy nhiên do sản phẩm tạo ra chưa đúng theo thỏa thuận nên hai bên không thực hiện được việc bàn giao Hệ thống máy móc. Căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn đều thể hiện ngay sau khi lắp đặt máy do có tranh chấp nên hai bên đều có quan điểm thống nhất là chấm dứt Hợp đồng mua bán, bên mua yêu cầu trả máy và đòi lại tiền, bên bán đồng ý nhận lại máy và trả tiền cho bên mua, nhưng do không thỏa thuận được việc thanh toán tiền nên phát sinh tranh chấp. Như vậy ngay từ thời điểm sau khi lắp đặt hai bên đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng mua bán với lý do sản phẩm tạo ra không đúng với thỏa thuận trong Hợp đồng. Theo quy định Khoản 1 điều 445 Bộ luật dân sự 2015, Điều 4 của Hợp đồng đều thể hiện Bên bán phải bàn giao cho Bên mua tài sản theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, trong trường hợp nêu trên tài sản mà các bên giao dịch chưa đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận, do vậy việc hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật, việc Công ty có yêu phản tố đòi tiếp tục thực hiện Hợp đồng là không có căn cứ .

Thấy rằng việc bà H khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả lại cho bà H số tiền 2.400.000.000 đồng và Công ty phải nhận lại dây chuyền máy sản xuất khâu trang hiện đang lắp đặt tại địa chỉ nhà số 9, ngõ 364/94/2, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Công ty về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và việc Công ty đòi bà H thanh toán nốt số tiền 1.200.000.000 đồng.

*** Về tiền phạt :**

Điều 418 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “ Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm”.

Bà H và Công ty đều thừa nhận và xác nhận hai bên đã thống nhất về việc chấm dứt hợp đồng với nội dung Công ty lấy lại máy và trả lại tiền cho bà H, tuy nhiên hai bên không thống nhất được về số tiền phạt. Việc không thống nhất về số tiền phạt và việc bà

H và Công ty không thống nhất được thời gian di chuyển máy kịp thời ra khỏi nhà xưởng có lỗi một phần của bà H, vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H yêu cầu Công ty phải trả số tiền phạt là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không tuyên nội dung trên nên căn cứ khoản 2 điều 308 bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử sửa bản án về cách tuyên.

Về án phí : Bà H, Công ty không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 418, 430, khoản 1 điều 445 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ điều 147, điều 148, điều 296, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 26, khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử: Không Chấp nhận kháng cáo của bà Quách thị H và Công ty cổ phần T.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS – ST ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa về cách tuyên và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H đối với Công ty Cổ phần T.

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả lại cho bà Quách Thị H số tiền gốc 2.400.000.000 đồng và Công ty Cổ phần T phải nhận lại dây chuyền máy sản xuất khâu trang tự động 02 cửa, nhãn hiệu KX-KZJJ008, kích thước (4200x3600x1900) (hiện đang lắp đặt tại địa chỉ nhà số 9, ngõ 364/94/2, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần T buộc bà Quách Thị H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 1.200.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H và yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần T về yêu cầu thanh toán lãi chậm trả.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Quách Thị H đối với Công ty Cổ phần T về việc đòi tiền phạt 300.000.000 đồng.

5. Về án phí:

Bà Quách Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 25.000.000 đồng và 300.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí ngày 08/11/2022 (Thông báo số 1613 ngày 02/11/2022, mã thông báo QVSPOX69LZ) và Biên lai số 2766 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Bà Quách Thị H được hoàn trả lại 10.300.000 đồng.

Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 80.000.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 48.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng nộp tại Biên lai số 71796 ngày 21/4/2023 và Biên lai số 2737 ngày 9/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Đống Đa, Hà Nội, còn phải nộp 103.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/08/2024.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận Đống Đa
- Chi cục THADS Quận Đống Đa
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự. Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng H

